

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1522 /UBND-KTTH

An Giang, ngày 31 tháng 8 năm 2017

V/v kế hoạch tài chính năm 2017  
của công ty nhà nước thuộc tỉnh

Kính gửi:

**CTY TNHH MTV MDTAG  
CÔNG VĂN ĐẾN**  
Số:.....1.066.....  
Ngày:.....31/8/17.....

- Sở Tài chính
- Công ty TNHH một thành viên Xổ số Kiến thiết An Giang
- Công ty TNHH một thành viên Môi trường Đô thị An Giang

Thực hiện Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và đề nghị của Sở Tài chính về xây dựng kế hoạch tài chính năm 2017 của doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến về kế hoạch tài chính năm 2017 của 02 công ty nhà nước thuộc tỉnh như sau:

- Kế hoạch tài chính năm 2017 của Công ty TNHH một thành viên Xổ số Kiến thiết An Giang (chi tiết theo phụ lục đính kèm).
- Điều chỉnh kế hoạch tài chính năm 2017 của Công ty TNHH một thành viên Môi trường Đô thị An Giang (chi tiết theo phụ lục đính kèm).
- Giao Sở Tài chính giám sát đánh giá quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của 02 công ty nhà nước nêu trên theo quy định.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các cơ quan trên tổ chức thực hiện.

Nơi nhận: *Vinh*

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (b/c);
- Lưu: HCTC, P. KTTH.  
(kèm theo phụ lục)



**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

*[Signature]*  
**Lê Văn Nung**

**Phụ lục**  
**KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2017 CỦA CÔNG TY**  
**TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT AN GIANG**  
*(kèm theo công văn số 4522/UBND-KTTH ngày 31/8/2017*  
*của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2016	Kế hoạch năm 2017
<b>A</b>	<b>Chỉ tiêu về sản xuất kinh doanh</b>			
<b>I</b>	<b>Sản lượng</b>			
1	Số lượng vé xổ số truyền thống phát hành	vé	420.000.000	420.000.000
2	Số lượng vé xổ số truyền thống tiêu thụ	vé	360.840.764	324.700.000
3	Doanh số phát hành vé xổ số truyền thống	triệu đồng	4.200.000	4.200.000
4	Doanh số tiêu thụ vé xổ số truyền thống	triệu đồng	3.608.408	3.247.000
<b>II</b>	<b>Kết quả kinh doanh</b>			
1	Tổng doanh thu	triệu đồng	2.930.550	2.595.298
1.1	Doanh thu thuần tiêu thụ vé số	triệu đồng	2.852.496	2.566.798
1.2	Doanh thu hoạt động tài chính	triệu đồng	76.576	28.000
1.3	Doanh thu khác	triệu đồng	1.478	500
2	Tổng chi phí	triệu đồng	2.384.656	2.277.548
2.1	Chi phí trả thường	triệu đồng	1.766.923	1.623.500
2.2	Chi phí phát hành và chi phí khác	triệu đồng	617.733	654.048
3	Lãi phát sinh			
3.1	Trước thuế thu nhập doanh nghiệp	triệu đồng	545.894	318.000
	- Lợi nhuận vé số	triệu đồng	471.281	289.500
	- Lợi nhuận hoạt động tài chính	triệu đồng	73.309	28.000
	- Lợi nhuận khác	triệu đồng	1.304	500
3.2	Sau thuế thu nhập doanh nghiệp	triệu đồng	436.727	-
<b>III</b>	<b>Thuế và các khoản còn phải nộp ngân sách nhà nước đầu kỳ</b>	triệu đồng	<b>539.925</b>	<b>557.346</b>
1	Từ hoạt động kinh doanh	triệu đồng	111.063	123.916
	- Thuế giá trị gia tăng	triệu đồng	30.035	29.526
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	triệu đồng	39.425	38.424
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	triệu đồng	41.603	55.966
2	Thu từ lợi nhuận sau thuế	triệu đồng	428.862	433.430
<b>IV</b>	<b>Thuế và các khoản phát sinh phải nộp ngân sách nhà nước trong năm</b>	triệu đồng	<b>1.296.443</b>	<b>985.700</b>
1	Từ hoạt động kinh doanh	triệu đồng	863.013	734.596
	- Thuế giá trị gia tăng	triệu đồng	325.750	291.091
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	triệu đồng	427.874	379.683

